TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **178**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2017

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Tám**
2. Ông **Phùng Thanh Quang**
- Thư ký phiên toà: Ông **Trần Đình Chưởng**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Trong ngày **14** tháng **9** năm **2017** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 516/2017/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2017 về việc tranh chấp "Xin ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị T**, sinh năm 1984.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh **Đặng Công K**, sinh năm 1988.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang
(Chị T có mặt; anh K có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13/7/2017 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do tìm hiểu quen biết trước chị T và anh K cưới nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy đăng ký kết hôn số 24 ngày 13/3/2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau nên thường hay cãi vã vợ chồng đã ly thân cắt đứt quan

hệ vợ chồng từ tháng 9/2016 đến nay, do tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Quang Kh, sinh ngày 14/3/2009, khi ly hôn chị T đồng ý giao con chung cho anh K tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Tự thoả thuận, nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 31/8/2017 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đặng Công K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn có đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng, trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy mâu thuẫn do không hợp tính tình nên thường hay cãi vã, vợ chồng đã ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 9/2016 cho đến nay, do tình cảm vợ chồng không còn nên anh K đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Quang Kh, sinh ngày 14/3/2009 hiện do anh đang chăm sóc nuôi dưỡng, khi ly hôn anh K yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Tự thoả thuận, nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn anh Đặng Công K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K là có căn cứ đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Do tìm hiểu quen biết trước chị T và anh K cưới nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy đăng ký kết hôn số 24 ngày 13/3/2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2014 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do chị T không muốn hôn nhân đỗ vỡ nên mới duy trì tình cảm cho đến tháng 9/2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn. Anh K có bản tự khai ngày 31/8/2017 anh cũng thừa nhận trong thời gian chung sống do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, do tình cảm vợ chồng không còn nên anh K đồng ý ly hôn với chị T. Tại phiên toà sơ thẩm mặc dù Tòa án đã động viên nhưng chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh K. Từ những tình tiết này, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Quang Kh, sinh ngày 14/3/2009, khi ly hôn anh K yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Xét, từ khi chị T và anh K sống ly thân cho đến nay cháu Kh do anh K chăm sóc nuôi dưỡng đã ổn định cuộc sống và đảm bảo tốt về mọi mặt, tại phiên toà sơ thẩm chị T cũng đồng ý giao cháu Kh cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu, nên giao cháu Kh cho anh K tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Tự thoả thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị T, căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nên chị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị T được ly hôn với anh Đặng Công K.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Quang Kh, sinh ngày 14/3/2009 cho anh Đặng Công K tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị Đinh Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh K không có yêu cầu. Chị T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07198 ngày 17/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đặng Công K có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã B, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe